TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM
PHÂN HIỆU VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 01 năm 2022

ĐỀ ÁN
Tuyển sinh Đại học năm 2022 của Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh - Phân hiệu Vĩnh Long
(Mã đăng ký xét tuyển: KSV)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

1.1. Tên Trường:

Tên trường: Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long, gọi tắt là **UEH - Phân hiệu Vĩnh Long**.

Tên Tiếng Anh: University of Economics Ho Chi Minh City – Campus in Vinh Long.

Mã đăng ký xét tuyển: KSV

1.2. Sứ mạng của trường:

UEH - Phân hiệu Vĩnh Long ra đời nhằm phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long thông qua đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời thực hiện nghiên cứu và chuyển giao khoa học trong lĩnh vực kinh tế, xã hội, tác động của biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường phục vụ phát triển kinh tế, phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn giảng viên cho vùng.

1.3. Địa chỉ:

- Trụ sở chính: Số 1B, Nguyễn Trung Trực, Phường 8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
- Các cơ sở học tập và làm việc của Phân hiệu:
  + Cơ sở số 1B, Nguyễn Trung Trực, Phường 8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
  + Cơ sở xã Phước Hậu, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

1.4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của Phân hiệu:

- Webiste: *www.vinhlong.ueh.edu.vn*
- Cổng thông tin tuyển sinh: *www.tuyensinh.ueh.edu.vn*
  hoặc https://tuyensinhdaihoc.ueh.edu.vn/

2. Quy mô đào tạo: Tính đến 31/12/2021

STT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành đào tạo			Tổng
		Khối ngành III	Khối ngành V	Khối ngành VII	
I	**Chính quy**				
1	**Sau đại học**				
1.1	**Tiến sĩ**				

STT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành đào tạo			Tổng
		Khối ngành III	Khối ngành V	Khối ngành VII	
1.2	**Thạc sĩ**				
2	**Đại học**				**756**
2.1	**Chính quy**				
2.1.1	**Các ngành đào tạo trừ ngành đào tạo ưu tiên**				**729**
2.1.1.1	Kinh doanh nông nghiệp			33	33
2.1.1.2	Quản trị kinh doanh	138			138
2.1.1.3	Marketing	69			69
2.1.1.4	Tài chính - Ngân hàng	139			45
2.1.1.5	Kế toán	109			56
2.1.1.6	Kinh doanh nông nghiệp		33		33
2.1.1.7	Thương mại điện tử	51			51
2.1.1.8	Ngôn ngữ Anh			38	38
2.1.1.9	Kinh doanh quốc tế	52			52
2.1.1.10	Luật kinh tế	46			46
2.1.1.11	Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng	0			0
2.1.2	**Các ngành đào tạo ưu tiên**				**27**
2.1.2.12	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành			27	27
2.2	**Liên thông từ trung cấp lên đại học chính quy**				
2.3	**Liên thông từ cao đẳng lên đại học chính quy**				
2.4	**Đào tạo chính quy đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên**				
II	**Vừa làm vừa học**				
1	**Đại học**				
1.1	**Vừa làm vừa học**				
1.2	**Liên thông từ trung cấp lên đại học vừa làm vừa học**				
1.3	**Liên thông từ cao đẳng lên đại học vừa làm vừa học**				
1.4	**Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên**				
2	**Cao đẳng ngành giáo dục mầm non**				
III	**Đào tạo từ xa**				

3. Thông tin tuyển sinh ĐHCQ gần nhất:

3.1. Phương thức tuyển sinh của năm gần nhất

- Năm 2020, 2021 Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh – Phân hiệu Vĩnh Long đã xét tuyển theo Đề án tuyển sinh của Trường và xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi trung học phổ thông (THPT).

3.2. Điểm trúng tuyển của năm 2020

TT	Ngành	Mã đăng ký xét tuyển	Chỉ tiêu	SL nhập học	Điểm trúng tuyển THPT
1	Ngành Kinh tế **Tổ hợp xét tuyển:** A00, A01, D01, D07	7310101_01	25	9	16.00
2	Ngành Quản trị kinh doanh Chuyên ngành Quản trị **Tổ hợp xét tuyển:** A00, A01, D01, D07	7340101_03	70	55	16.00
3	Ngành Kinh doanh quốc tế **Tổ hợp xét tuyển:** A00, A01, D01, D07	7340120_01	60	52	16.00
4	Ngành Tài chính - Ngân hàng Chuyên ngành Ngân hàng **Tổ hợp xét tuyển:** A00, A01, D01, D07	7340201_01	50	45	16.00
5	Ngành Kế toán Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp **Tổ hợp xét tuyển:** A00, A01, D01, D07	7340301_01	70	56	16.00
6	Ngành Hệ thống thông tin quản lý (*) Chuyên ngành Thương mại điện tử **Tổ hợp xét tuyển:** A00, A01, D01, D07 * *Điểm bài thi Toán hệ số 2*	7340405_01	25	14	16.00
	Tổng		**300**	**230**	

3.3. Điểm trúng tuyển của năm gần nhất năm 2021

TT	Ngành	Mã đăng ký xét tuyển	Chỉ tiêu	SL nhập học	Điểm trúng tuyển THPT
1	Ngành Kinh doanh nông nghiệp **Tổ hợp xét tuyển:** A00, A01, D01, D07	7620114	35	25	16.00
2	Ngành Quản trị kinh doanh Chuyên ngành Quản trị **Tổ hợp xét tuyển:** A00, A01, D01, D07	7340101	90	86	17.00
3	Ngành Kinh doanh quốc tế **Tổ hợp xét tuyển:** A00, A01, D01, D07	7340120	65	57	17.00
4	Ngành Tài chính - Ngân hàng Chuyên ngành Ngân hàng **Tổ hợp xét tuyển:** A00, A01, D01, D07	7340201_01	70	95	17.00
5	Ngành Marketing **Tổ hợp xét tuyển:** A00, A01, D01, D07	7340115	70	69	17.00
6	Ngành Kế toán Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp **Tổ hợp xét tuyển:** A00, A01, D01, D07	7340301_01	70	57	17.00
7	Ngành Thương mại điện tử (*) **Tổ hợp xét tuyển:** A00, A01, D01, D07 * *Điểm bài thi Toán hệ số 2*	7340405_01	35	38	17.00
8	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Gồm các chuyên ngành Quản trị lữ hành	7810103	45	27	16.00

TT	Ngành	Mã đăng ký xét tuyển	Chỉ tiêu	SL nhập học	Điểm trúng tuyển THPT
	Tổ hợp xét tuyển: A00, A01, D01, D07				
9	Ngành Ngôn ngữ Anh (*) Gồm chuyên ngành Tiếng Anh thương mại **Tổ hợp xét tuyển:** D01, D96 ** Điểm bài thi Tiếng Anh hệ số 2*	7220201	35	38	17.00
10	Ngành Luật kinh tế Gồm chuyên ngành Luật kinh doanh **Tổ hợp xét tuyển:** A00, A01, D01, D96	7380107	35	46	16.00
	Tổng		**550**	**538**	

II. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

Tên tài sản cố định	Diện tích đất (m^2)	Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH (m^2)
Phân hiệu Vĩnh Long *Số 01B Nguyễn Trung Trực, P.8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long*	15.172	9.565,4	5.018
Phân hiệu Vĩnh Long *Xã Phước Hậu, huyện Long Hồ*	14.370,2	/	/
Tổng	**29.454,2**	**9.565,4**	**5.018**

Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 350 chỗ (vệ sinh khép kín, wifi phủ sóng, căn tin, khu thể thao dành cho SV, hệ thống máy giặt, máy sấy tự phục vụ,...).

2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

STT	Tên	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m2)
1.	Phòng thực hành	4	340
2.	Xưởng thực tập	0	0
3.	Nhà tập đa năng	2	268
4.	Hội trường	3	859

3. Thống kê phòng học

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	56	4224
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	3	1176
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	3	406
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	24	1618
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	0	0
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	26	1024
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	206
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	5	718
	Tổng	**62**	**5148**

Tất cả phòng học được trang bị bụt giảng thông minh, kết nối mạng Internet phục vụ giảng dạy với đường truyền tốc độ cao, hệ thống máy điều hòa,…

4. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo… sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện.

Nhóm ngành đào tạo	Loại tài liệu	Số lượng
Nhóm ngành III, VII	Sách (phục vụ học tập và nghiên cứu)	
	Tiếng Việt	7.047 nhan đề / 39.545 quyển
	Sách ngoại văn (Anh, Pháp, Nhật...)	6.574 nhan đề / 12.483 quyển
	Tài liệu nội sinh (bản in)	
	Luận văn thạc sĩ	11.133 quyển
	Luận án tiến sĩ	292 quyển
	Công trình nghiên cứu khoa học	423 quyển
	Cơ sở dữ liệu điện tử ngoại sinh (tiếng Anh)	
	eBook Academic Collection (eBooks)	298.396 eBooks 131.016 eJournals
	eBook Business Collection (eBooks)	
	eBook Harvard Business Publishing Collection (eBooks)	
	eBook University Press Collection (eBooks)	
	ProQuest Ebook Central (eBooks)	
	iG Library (eBooks)	
	Academic Search Complete (eJournals)	
	Business Source Complete (eJournals)	
	Hospitality & Tourism Complete (eJournals)	
	Legal Source (eJournals)	
	ScienceDirect (eJournals)	
	133 CSDL mở (eBooks + eJournals)	
	02 CSDL thuộc Dự án Thư viện điện tử dùng chung cho các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam (khối ngành kinh tế): Emerald Insight, SAGE Journals	
	Cơ sở dữ liệu nội sinh điện tử: gồm các công bố quốc tế, luận văn, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học, tài liệu hội thảo, bài báo thuộc tạp chí	16.033 nhan đề

Nhóm ngành đào tạo	Loại tài liệu	Số lượng
	JABES của UEH (Journal of Asian Business and Economic Studies).	

5. Danh sách giảng viên cơ hữu *(chi tiết phụ lục 1 đính kèm)*

III. CÁC THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2022

1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học Chương trình Chuẩn.

1.1. Đối tượng tuyển sinh

UEH - Phân hiệu Vĩnh Long xét tuyển các đối tượng như sau. Cụ thể:

- Đối tượng 1: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT).

- Đối tượng 2: Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế.

- Đối tượng 3: Thí sinh là học sinh Giỏi, hạnh kiểm Tốt năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy, tốt nghiệp THPT năm 2022.

- Đối tượng 4: Thí sinh có quá trình học tập theo tổ hợp môn (A00, A01, D01 hoặc D07) đăng ký xét tuyển từ 6.50 trở lên tính cho các năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy và tốt nghiệp THPT.

- Đối tượng 5: Thí sinh có kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức đợt 1 năm 2022, tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Đối tượng 6: Thí sinh tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022, trong đó có kết quả các bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển của UEH, tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

1.2.1 Tuyển sinh trong cả nước đối với các ngành: Kinh doanh nông nghiệp, Thương mại điện tử, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Ngôn ngữ Anh, Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng.

1.2.2 Các ngành khác: Tuyển sinh học sinh có hộ khẩu thường trú tại 13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long *(bao gồm: An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long)*.

1.3. Phương thức tuyển sinh

* Tên Trường: **Trường Đại học Kinh tế TP.HCM – Phân hiệu Vĩnh Long**

* Mã Trường: **KSV**

* Các phương thức xét tuyển: Có 6 phương thức tuyển sinh sau

1.3.1. Phương thức xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT

- Chỉ tiêu 1%.

Theo quy định tại các Khoản 1; Điểm a Khoản 2; Điểm a, b, c, d Khoản 4 của Điều 8 trong Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hiện hành, cụ thể nội dung các Điểm như sau:

1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành, chương trình do cơ sở đào tạo quy định.

2. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc tốt nghiệp trung cấp) vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

a) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

4. Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây:

a) Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường: UEH-Phân hiệu Vĩnh Longsẽ căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

b) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ: Điều kiện nộp đơn xét tuyển thẳng vào trường là kết quả học sinh Giỏi các năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12. Thí sinh phải học bổ sung kiến thức 01 (một) năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do UEH-Phân hiệu Vĩnh Longquy định.

c) Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Điều kiện nộp đơn xét tuyển thẳng vào trường là kết quả học sinh Giỏi các năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12. Thí sinh phải học bổ sung kiến thức 01 (một) năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do UEH-Phân hiệu Vĩnh Longquy định.

d) Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT: UEH-Phân hiệu Vĩnh Longcăn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt quy định tại Điều 6 Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 quy định về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT để xem xét, quyết định cho vào học;

1.3.2. Phương thức xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế.

Chỉ tiêu	1% chỉ tiêu theo ngành
Điều kiện đăng ký xét tuyển	A) Đối với thí sinh có quốc tịch Việt Nam, thuộc một trong các đối tượng: **1. Thí sinh có một trong các bằng tú tài/chứng chỉ quốc tế sau:** **- Bằng tú tài quốc tế IB** (International Baccalaureate) đạt từ **26 điểm** trở lên;

	- **Chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí ĐH Cambridge, Anh** (Cambridge International Examinations A-Level, UK; sau đây gọi tắt là chứng chỉ A-Level) đạt **từ C đến A.** - **Chứng chỉ BTEC** (Business&Technical Education Council, Hội đồng Giáo dục Thương mại và Kỹ thuật Anh) Level 3 Extended Diploma đạt từ C đến A. **2. Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài** và có một trong các chứng chỉ sau: - Chứng chỉ IELTS từ 6.0 trở lên. - Chứng chỉ TOEFL iBT từ 73 điểm trở lên. - Chứng chỉ SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) mỗi phần thi từ 500 điểm trở lên. - Chứng chỉ ACT (American College Testing) từ 20 điểm (thang điểm 36) trở lên. B) Đối với thí sinh có quốc tịch khác quốc tịch Việt Nam và tốt nghiệp THPT nước ngoài: UEH-Phân hiệu Vĩnh Long thực hiện xét tuyển theo Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 về Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam **Lưu ý:** *Thời hạn các chứng chỉ quốc tế còn hiệu lực tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển.*
Cách xét tuyển	Điểm xét tuyển là tổng điểm thí sinh đạt được khi tốt nghiệp chương trình tú tài, THPT nước ngoài hay chứng chỉ quốc tế.

1.3.3. Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi

Chỉ tiêu	20% chỉ tiêu theo ngành
Điều kiện đăng ký xét tuyển	Học sinh Giỏi, hạnh kiểm Tốt năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy, tốt nghiệp THPT năm 2022.
Cách xét tuyển	Điểm xét tuyển là tổng điểm được quy đổi từ 04 tiêu chí sau, trong đó 01 tiêu chí bắt buộc và 03 tiêu chí không bắt buộc: - Tiêu chí bắt buộc: Điểm trung bình học lực năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 *(thỏa điều kiện Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi).* - Tiêu chí không bắt buộc: + Học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển học sinh Giỏi) tương đương **IELTS từ 6.0** hoặc **TOEFL iBT từ 73** trở lên (**Phụ lục II:** Bảng quy đổi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế). + Học sinh đạt giải thưởng (Nhất, Nhì, Ba) kỳ thi chọn học sinh Giỏi THPT cấp tỉnh, cấp thành phố (trực thuộc trung ương) các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh, Ngữ văn, Tin học. + Học sinh trường THPT chuyên/năng khiếu (**Phụ lục III:** Danh sách các trường THPT chuyên, năng khiếu)

Lưu ý: Xếp loại học lực căn cứ Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bảng 1: Bảng điểm quy đổi các tiêu chí của phương thức xét tuyển học sinh Giỏi đối với chương trình Chuẩn

	Điểm quy đổi xét tuyển theo ĐTB học lực năm lớp 10, 11, HK1-lớp 12	**Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế**	**Giải thưởng kỳ thi chọn HSG THPT cấp Tỉnh/TP**	**Trường THPT Chuyên/năng khiếu**
		IELTS (Academic)		**Lớp**

	ĐTB học lực	ĐQĐ Lớp 10	ĐQĐ Lớp 11	ĐQĐ HK1-Lớp 12	6.0	6.5	7.0	7.5	8(+)	Ba	Nhì	Nhất	10	11	12
Điểm quy đổi (ĐQĐ)	**8.00 - 8.49**	**17**	**17**	**12**	**12**	**14**	**16**	**18**	**20**	**10**	**15**	**20**	**2**	**2**	**1**
	8.50 - 8.99	**18**	**18**	**13**											
	9.00 - 9.49	**19**	**19**	**14**											
	9.50 - 10.0	**20**	**20**	**15**											

Lưu ý: Điểm trung bình học lực từng năm được ghi và làm tròn theo học bạ THPT.

1.3.4. Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn

Chỉ tiêu	40% chỉ tiêu theo ngành
Điều kiện đăng ký xét tuyển	Học sinh có điểm trung bình **tổ hợp môn** (A00, A01, D01 hoặc D07) đăng ký xét tuyển từ 6.50 trở lên cho các năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy và tốt nghiệp THPT. *Ví dụ: Học sinh chọn tổ hợp A00: Toán, Vật lý, Hóa học để đăng ký xét tuyển phải thỏa điều kiện:* + ĐTB tổ hợp A00 lớp 10 = [(Toán 10 + Vật lý 10 + Hóa học 10)/3] >=6.50 + ĐTB tổ hợp A00 lớp 11 = [(Toán 11 + Vật lý 11 + Hóa học 11)/3] >=6.50 + ĐTB tổ hợp A00 HK1_lớp 12 = [(Toán 12+ Vật lý 12 + Hóa học 12)/3] >=6.50
Cách xét tuyển	Điểm xét tuyển là tổng điểm được quy đổi từ 04 tiêu chí sau, trong đó 01 tiêu chí bắt buộc và 03 tiêu chí không bắt buộc: **- Tiêu chí bắt buộc:** Điểm trung bình tổ hợp môn đăng ký xét tuyển tính theo năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 *(thỏa điều kiện Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn).* **- Tiêu chí không bắt buộc:** + Học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển học sinh Giỏi) tương đương **IELTS từ 6.0** hoặc **TOEFL iBT từ 73** trở lên (**Phụ lục II:** Bảng quy đổi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế). + Học sinh đạt giải thưởng (Nhất, Nhì, Ba) kỳ thi chọn học sinh Giỏi THPT cấp tỉnh, cấp thành phố (trực thuộc trung ương) các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh, Ngữ văn, Tin học. + Học sinh trường THPT chuyên/năng khiếu (**Phụ lục III:** Danh sách các trường THPT chuyên, năng khiếu)

Lưu ý: Không sử dụng tổ hợp D96 trong Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn.

Bảng 2: Bảng điểm quy đổi các tiêu chí của Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn đối với chương trình Chuẩn.

	Điểm quy đổi xét tuyển theo trung bình tổ hợp môn đăng ký năm lớp 10, 11 và HK1-lớp 12				**Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế**					**Giải thưởng kỳ thi chọn HSG THPT cấp Tỉnh/TP**			**Trường THPT Chuyên/năng khiếu**		
	Điểm trung bình theo tổ hợp môn	ĐQĐ Lớp 10	ĐQĐ Lớp 11	ĐQĐ HK1-Lớp 12	**IELTS (Academic)**					Ba	Nhì	Nhất	**Lớp**		
					6.0	6.5	7.0	7.5	8(+)				10	11	12
Điểm quy đổi (ĐQĐ)	**6.50 - 6.99**	**14**	**14**	**9**	**12**	**14**	**16**	**18**	**20**	**10**	**15**	**20**	**2**	**2**	**1**
	7.00 - 7.49	**15**	**15**	**10**											
	7.50 - 7.99	**16**	**16**	**11**											
	8.00 - 8.49	**17**	**17**	**12**											
	8.50 - 8.99	**18**	**18**	**13**											
	9.00 - 9.49	**19**	**19**	**14**											

	9.50 - 10.00	20	20	15											

Lưu ý: Điểm môn học từng năm được ghi và làm tròn theo học bạ THPT. Điểm trung bình tổ hợp môn được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

1.3.5. Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực

Chỉ tiêu	10% chỉ tiêu theo ngành
Điều kiện	Học sinh tham gia kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức đợt 1 năm 2022 và tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT
Cách xét tuyển	Điểm xét tuyển là tổng điểm thí sinh đạt được trong kỳ thi đánh giá năng lực (theo quy định của Đại học Quốc gia TP.HCM)

1.3.6. Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu còn lại
Điều kiện	Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT, tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022, trong đó có kết quả các bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển của UEH-Phân hiệu Vĩnh Long.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

1.4.1. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo đối với Ngành trong Nhóm ngành, Khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật

Phân hiệu Vĩnh Long tuân thủ theo các chương trình đào tạo đã được ban hành của Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh.

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo tại cơ sở chính	Năm đào tạo tại phân hiệu
1	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	510/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT	Trường tự chủ QĐ	2021	2021
2	Quản trị kinh doanh	7340101	488/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	Trường tự chủ QĐ	1990	2020
3	Kinh doanh quốc tế	7340120	488/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	Trường tự chủ QĐ	2013	2020
4	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	391/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	Trường tự chủ QĐ	2020	2022
5	Marketing	7340115	488/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	Trường tự chủ QĐ	2013	2021
6	Tài chính - Ngân hàng	7340201	488/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	Trường tự chủ QĐ	1986	2020
7	Kế toán	7340301	488/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	Trường tự chủ QĐ	1976	2020
8	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	986/QĐ-BGDĐT	Trường tự chủ QĐ	2014	2021
9	Thương mại điện tử	7340122	515/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT	Trường tự chủ QĐ	2021	2020
10	Ngôn ngữ Anh	7220201	488/QĐ-ĐHKT-ĐBCL	Trường tự chủ QĐ	2015	2021
11	Luật kinh tế	7380107	516/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT	Trường tự chủ QĐ	2021	2021

1.4.2. Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/nhóm ngành/khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo:

- Tùy theo tình hình thực tế tuyển sinh, UEH – Phân hiệu Vĩnh Long sẽ điều chỉnh chỉ tiêu giữa các phương thức cho phù hợp quy mô tuyển sinh.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu	(Dự kiến)	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo xét KQ thi THPT	Theo PT khác	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
1	Đại học	7620114	Kinh doanh nông nghiệp(*)	11	24	A00		A01		D01		D07	
2	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	25	60	A00		A01		D01		D07	
3	Đại học	7340120	Kinh doanh quốc tế	18	42	A00		A01		D01		D07	
4	Đại học	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng (*)	15	35	A00		A01		D01		D07	
5	Đại học	7340115	Marketing	21	49	A00		A01		D01		D07	
6	Đại học	7340201	Tài chính - Ngân hàng	24	56	A00		A01		D01		D07	
7	Đại học	7340301	Kế toán	21	49	A00		A01		D01		D07	
8	Đại học	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành(*)	12	28	A00		A01		D01		D07	
9	Đại học	7340122	Thương mại điện tử(*)	12	28	A00		A01		D01		D07	
10	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh(*)	11	24	D01		D96					
11	Đại học	7380107	Luật kinh tế	11	24	A00		A01		D01		D96	
			Tổng	**180**	**420**								

Ghi chú: *(*) Các ngành có phạm vi tuyển sinh trong cả nước. Các ngành còn lại tuyển sinh học sinh có hộ khẩu thường trú tại 13 tỉnh ĐBSCL bao gồm: An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long.*

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- Phương thức xét tuyển thẳng: Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Phương thức xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế: Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế thỏa điều kiện xét tuyển của Phương thức này.

- Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi: Học sinh Giỏi, hạnh kiểm Tốt năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy, tốt nghiệp THPT năm 2022.

- Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn: Học sinh có điểm trung bình tổ hợp môn (A00, A01, D01 hoặc D07) đăng ký xét tuyển từ 6.50 trở lên cho các năm lớp 10,

lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy và tốt nghiệp THPT.

- Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực: Trường sẽ thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với từng ngành xét tuyển trên Cổng tuyển sinh Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh: *www.tuyensinh.ueh.edu.vn hoặc www.vinhlong.ueh.edu.vn* sau khi có phổ điểm kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức đợt 1, năm 2022.

- Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022: Trường sẽ thông báo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với từng ngành xét tuyển sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 trên Cổng tuyển sinh Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh: *www.tuyensinh.ueh.edu.vn hoặc www.vinhlong.ueh.edu.vn* và theo lịch chung của Bộ GD&ĐT.

1.6. Các thông tin cần thiết khác: Mã trường, Mã ngành, Tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

1.6.1. Thông tin Trường (Phân hiệu)

- Tên trường: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HCM - PHÂN HIỆU VĨNH LONG**
- Mã trường: **KSV.**
- Địa chỉ: **Số 1B, Nguyễn Trung Trực, P.8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.**
- Điện thoại: **0899.00.29.39 - 02703.823.443**.
- Website: www.vinhlong.ueh.edu.vn.
- Cổng thông tin tuyển sinh: *www.tuyensinh.ueh.edu.vn hoặc www.vinhlong.ueh.edu.vn.*

- Đối với chương trình Chuẩn: Sau 02 học kỳ, sinh viên sẽ được xét vào một trong các chuyên ngành thuộc ngành trúng tuyển (đối với các ngành có nhiều chuyên ngành), căn cứ vào nguyện vọng, chỉ tiêu và kết quả học tập

- Thông tin ngành, mã đăng ký xét tuyển, tổ hợp môn xét tuyển, chỉ tiêu:

TT	Ngành	Chuyên ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu
1	Kinh doanh nông nghiệp (*)	--	7620114	A00, A01, D01, D07	35
2	Quản trị kinh doanh	Quản trị	7340101	A00, A01, D01, D07	85
3	Kinh doanh quốc tế	--	7340120	A00, A01, D01, D07	60
4	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (*)		7510605	A00, A01, D01, D07	**50**
5	Marketing	--	7340115	A00, A01, D01, D07	70
6	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng	7340201	A00, A01, D01, D07	80
7	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	7340301	A00, A01, D01, D07	70
8	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (*)	Quản trị lữ hành	7810103	A00, A01, D01, D07	40

TT	Ngành	Chuyên ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu
9	Thương mại điện tử (*)	--	7340122	A00, A01, D01, D07 (Môn Toán hệ số 2)	40
10	Ngôn ngữ Anh (*)	Tiếng Anh thương mại	7220201	D01, D96 (Tiếng Anh hệ số 2)	35
11	Luật kinh tế	Luật kinh doanh	7380107	A00, A01, D01, D96	35
	Tổng cộng:				**600**

❖ **Tổ hợp xét tuyển:**

- Tổ hợp A00: Toán, Vật lý, Hóa học.
- Tổ hợp A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh.
- Tổ hợp D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.
- Tổ hợp D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh.
- Tổ hợp D96: Toán, Khoa học xã hội, Tiếng Anh.

Ghi chú: (*) Các ngành có phạm vi tuyển sinh trong cả nước. Các ngành còn lại tuyển sinh học sinh có hộ khẩu thường trú tại 13 tỉnh ĐBSCL bao gồm: An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long

1.6.2. Nguyên tắc xét tuyển

1.6.2.1 Nguyên tắc xét tuyển chung:

- Các phương thức xét tuyển (tuyển (PT xét tuyển thẳng, PT xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế, PT xét tuyển học sinh giỏi, PT xét tuyển tổ hợp môn, PT xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia - TP.HCM đợt 1, năm 2022, PT xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022) trong tuyển sinh đại học năm 2022 của Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long là độc lập, thí sinh có thể đăng ký nhiều phương thức khác nhau.

- Trường hợp thí sinh trúng tuyển nhiều phương thức: Thí sinh xác nhận nhập học theo phương thức/chương trình nào thì nhập học theo phương thức/chương trình đó.

a.1) Phương thức xét tuyển thẳng: Xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

a.2) Phương thức xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế; Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi; Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn; Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực. Trong đó, thí sinh đăng ký tối đa 02 nguyện vọng/phương thức cho tất cả các ngành, sắp xếp nguyện vọng (NV) từ cao xuống thấp (NV1 là NV cao nhất).

UEH-Phân hiệu Vĩnh Long thông báo hướng dẫn cụ thể trên Cổng tuyển sinh: www.tuyensinh.ueh.edu.vn hoặc www.vinhlong.ueh.edu.vn.

a.3) Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022: Xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT.

1.6.2.2 Nguyên tắc xét tuyển của từng phương thức

b.1) Phương thức xét tuyển thẳng: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

b.2) Phương thức xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế:

- Điểm xét tuyển là tổng điểm thí sinh đạt được khi tốt nghiệp chương trình tú tài, THPT nước ngoài hay chứng chỉ quốc tế.

- Trong tất cả các ngành, thí sinh được xét bình đẳng theo Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp, không phân biệt thứ tự của nguyện vọng đăng ký.

- Nếu thí sinh đã trúng tuyển 01 nguyện vọng, sẽ không xét nguyện vọng tiếp theo.

- **Tiêu chí phụ trong xét tuyển Phương thức xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế:** Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, UEH-Phân hiệu Vĩnh Long sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển như sau: Thứ tự nguyện vọng (Trong đó nguyện vọng 1 là cao nhất).

b.3) Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi

- Điểm xét tuyển là tổng điểm được quy đổi từ 04 tiêu chí của Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi theo thang điểm 100, cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có và quy về mức điểm theo quy định của UEH-Phân hiệu Vĩnh Long).

- Trong tất cả các ngành, thí sinh được xét bình đẳng theo Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp, không phân biệt thứ tự của nguyện vọng đăng ký (trừ trường hợp quy định tại nội dung **Tiêu chí phụ trong xét tuyển** của Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi).

- Mức điểm ưu tiên đối tượng và khu vực (Chính sách ưu tiên đối tượng, khu vực được quy định trong quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT) quy đổi như sau:

Bảng 3: Bảng điểm quy đổi ưu tiên đối tượng và khu vực của phương thức xét tuyển học sinh giỏi đối với chương trình Chuẩn

Ưu tiên đối tượng		**Ưu tiên khu vực**	
Đối tượng	Điểm ưu tiên	Khu vực	Điểm ưu tiên
ĐT1 đến ĐT4	6.67	KV1	2.50
ĐT5 đến ĐT7	3.33	KV2-NT	1.67
		KV2	0.83
		KV3	0

- Nếu thí sinh đã trúng tuyển 01 nguyện vọng, sẽ không xét nguyện vọng tiếp theo.

- **Tiêu chí phụ trong xét tuyển Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi:** Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, UEH-Phân hiệu Vĩnh Long sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển theo thứ tự như sau: 1. Điểm trung bình môn Toán học kỳ 1 lớp 12; 2. Điểm trung bình môn tiếng Anh học kỳ 1 lớp 12; 3. Thứ tự nguyện vọng.

b.4) Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn

- Điểm xét tuyển là tổng điểm được quy đổi từ 04 tiêu chí của Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn theo thang điểm 100, cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có và quy về mức điểm theo quy định của UEH-Phân hiệu Vĩnh Long).

- Trong tất cả các ngành, thí sinh được xét bình đẳng theo Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp, không phân biệt thứ tự của nguyện vọng đăng ký (trừ trường hợp quy định tại nội dung Tiêu chí phụ trong xét tuyển của Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn).

- Mức điểm ưu tiên đối tượng và khu vực (Chính sách ưu tiên đối tượng, khu vực được quy định trong quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT) quy đổi như **Bảng 3.**

- Nếu thí sinh đã trúng tuyển 01 nguyện vọng, sẽ không xét nguyện vọng tiếp theo.

- **Tiêu chí phụ trong xét tuyển Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn:** Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, UEH sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển theo thứ tự như sau: 1. Điểm trung bình

môn Toán học kỳ 1 lớp 12; 2. Điểm trung bình môn tiếng Anh học kỳ 1 lớp 12; 3. Thứ tự nguyện vọng.

b.5) Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực

- Điểm xét tuyển là tổng điểm thí sinh đạt được trong kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP.HCM tổ chức đợt 1, năm 2022 theo thang điểm 1200 (theo quy định của Đại học Quốc gia TP.HCM) cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có và quy về thang điểm theo quy định UEH).

- Trong tất cả các ngành, thí sinh được xét bình đẳng theo Điểm xét tuyển từ cao xuống thấp, không phân biệt thứ tự của nguyện vọng đăng ký (trừ trường hợp quy định tại nội dung Tiêu chí phụ trong xét tuyển của Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực).

- Mức điểm ưu tiên đối tượng và khu vực (Chính sách ưu tiên đối tượng, khu vực được quy định trong quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT) quy đổi như sau:

Bảng 4: Bảng điểm quy đổi ưu tiên đối tượng và khu vực của phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực đối với chương trình Chuẩn (theo thang điểm 1200)

Ưu tiên đối tượng		**Ưu tiên khu vực**	
Đối tượng	Điểm ưu tiên	Khu vực	Điểm ưu tiên
ĐT1 đến ĐT4	80	KV1	30
ĐT5 đến ĐT7	40	KV2-NT	20
		KV2	10
		KV3	0

- Nếu thí sinh đã trúng tuyển 01 nguyện vọng, sẽ không xét nguyện vọng tiếp theo.

- **Tiêu chí phụ trong xét tuyển Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực:** Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, UEH-Phân hiệu Vĩnh Long sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển như sau: Thứ tự nguyện vọng (Trong đó nguyện vọng 1 là cao nhất).

b.6) Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022

- Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực và được làm tròn đến hai chữ số thập phân (quy đổi trong trường hợp tổ hợp xét tuyển có bài thi/môn thi tính hệ số) theo Quy định trong Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2022.

- Đối với từng ngành, thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự nguyện vọng đăng ký (trừ trường hợp quy định tại nội dung Tiêu chí phụ trong xét tuyển của Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022).

- Nếu thí sinh đã trúng tuyển 01 nguyện vọng, sẽ không xét nguyện vọng tiếp theo.

- UEH-Phân hiệu Vĩnh Long chỉ sử dụng kết quả điểm thi của bài thi, điểm thi các môn thi thành phần của bài thi Khoa học tự nhiên trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 để xét tuyển. Không sử dụng kết quả miễn thi môn Ngoại ngữ (tiếng Anh).

- **Tiêu chí phụ trong xét tuyển của Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022:** Trong trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển theo thứ tự: 1. Kết quả bài thi Toán, 2. Kết quả bài thi tiếng Anh, 3. Thứ tự nguyện vọng.

Lưu ý chung:

- Sau khi UEH – Phân hiệu Vĩnh Long công bố kết quả trúng tuyển, thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học bằng cách gửi bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT

năm 2022 đến UEH - Phân hiệu Vĩnh Long qua chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp tại Phân hiệu theo địa chỉ: Số 1B, Nguyễn Trung Trực, P.8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long trong thời gian quy định.

- Các mốc thời gian, địa điểm cụ thể được công bố trên Cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường: *www.tuyensinh.ueh.edu.vn* ***hoặc*** *www.vinhlong.ueh.edu.vn*

1.8. Chính sách ưu tiên

Quy định trong Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2022.

1.9. Lệ phí xét tuyển

- Phương thức xét tuyển thẳng, xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022: Thí sinh đóng lệ phí 25.000VNĐ/thí sinh/nguyện vọng.
- Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi; Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn; Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực; Phương thức xét tuyển học sinh đặc cách tốt nghiệp THPT năm 2022: Thí sinh đóng lệ phí 30.000VNĐ/thí sinh/phương thức.
- Trong các đợt xét tuyển bổ sung (nếu có), thí sinh thực hiện ĐKXT và nộp lệ phí theo quy định của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên ĐHCQ; lộ trình tăng học phí tối đa từng năm

Sinh viên học chương trình đại trà tại UEH - Phân hiệu Vĩnh Long sẽ có mức học phí bằng 80% học phí học tại Cơ sở chính TP. Hồ Chí Minh. Cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

Ngành học	Năm 1 2022-2023	Năm 2 2023-2024	Năm 3 2024-2025	Năm 4 2025-2026
Ngành/chuyên ngành chương trình Chuẩn	664.000đ/tín chỉ (khoảng 24 triệu/năm)	697.600đ/tín chỉ (khoảng 25.2 triệu/năm)	728.000đ/tín chỉ (khoảng 26.5 triệu/năm)	752.000đ/tín chỉ (khoảng 27.6 triệu/năm)

1.11. Các nội dung khác:

1.11.1 Học bổng:

- Học bổng tuyển sinh

Học bổng	Số suất	Giá trị học bổng
Học bổng xuất sắc	06	14.940.000 đồng/suất
Học bổng toàn phần	18	9.960.000 đồng/suất
Học bổng bán phần	42	4.980.000 đồng/suất

- Học bổng hỗ trợ học tập

Học bổng	Số suất	Giá trị học bổng
Học bổng toàn phần	06	9.960.000 đồng/suất
Học bổng bán phần	12	4.980.000 đồng/suất

Lưu ý:

- Giá trị học bổng tính theo học phí chương trình Chuẩn.

1.11.2. Chính sách miễn, giảm học phí

Đối với các đối tượng chính sách: Trường thực hiện cấp bù học phí chênh lệch giữa mức thu học phí và mức hỗ trợ từ ngân sách.

1.11.3. Chính sách tín dụng học tập

Thông tin chi tiết tại website: http://dsa.ueh.edu.vn/

1.11.4 Ký túc xá

Phân hiệu Vĩnh Long có hệ thống KTX cho sinh viên theo học tại Phân hiệu.

1.11.5 Cam kết về chất lượng

Các chương trình đào tạo ĐHCQ tại Phân hiệu Vĩnh Long hoàn toàn theo đúng các chương trình tiên tiến quốc tế của Trường Đại học Kinh tế TP.HCM với đội ngũ giảng viên được huy động từ Trụ sở chính TP.HCM và bổ sung nguồn lực giảng viên đủ tiêu chuẩn tại Phân hiệu Vĩnh Long.

Phương châm truyền thông:

Học tại Vĩnh Long - Chất lượng, bằng cấp UEH, Sẵn sàng hội nhập quốc tế

1.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

Tuyển sinh bổ sung đợt 1: UEH - Phân hiệu Vĩnh Long chỉ thực hiện tuyển sinh bổ sung đợt 1 trong trường hợp tuyển sinh đợt chính thức còn chỉ tiêu, tuyển sinh bổ sung đợt 1 thực hiện với các tiêu chí như sau:

1.12.1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo quy định của Bộ GDĐT.

1.12.2. Phạm vi tuyển sinh:

- ***Tuyển sinh trong cả nước đối với các ngành:*** Kinh doanh nông nghiệp, Thương mại điện tử, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Ngôn ngữ Anh, Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng.

- ***Các ngành khác:*** Tuyển sinh đối với học sinh có hộ khẩu thường trú tại 13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long *(bao gồm: An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long)*..

1.12.3. Phương thức tuyển sinh: Theo quy định của Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

- **Xét tuyển dựa trên kết quả thi THPT năm 2022:** Thí sinh đạt yêu cầu về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định.

- **Xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn:** Học sinh có điểm trung bình tổ hợp môn đăng ký xét tuyển (A00, A01, D01 hoặc D07) từ 6.50 trở lên cho các năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 của chương trình THPT theo hình thức giáo dục chính quy và tốt nghiệp THPT.

1.12.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số thí sinh trúng tuyển đã xác nhận nhập học tại Phân hiệu Vĩnh Long (trong đợt chính thức), Hội đồng Tuyển sinh xem xét, thông báo trên Cổng tuyển sinh *www.tuyensinh.ueh.edu.vn* hoặc *www.vinhlong.ueh.edu.vn*.

1.12.5. Nguyên tắc tuyển sinh:

Điểm xét tuyển sẽ xét tuyển thí sinh có điểm từ cao đến thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Trong trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách và vượt chỉ tiêu tuyển sinh, Phân hiệu Vĩnh Long sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển như sau: Điểm trung bình môn Toán lớp 12 từ cao đến thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

1.12.6. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian, hình thức nhận đăng ký xét tuyển

Thời gian đăng ký xét tuyển: Do Hiệu trưởng quy định, phù hợp phương thức tổ chức đào tạo, khung kế hoạch thời gian năm học tại UEH - Phân hiệu Vĩnh Long và thông báo trên Cổng thông tin tuyển sinh: *www.tuyensinh.ueh.edu.vn* hoặc *www.vinhlong.ueh.edu.vn*.

1.12.7. Lệ phí xét tuyển:

Thí sinh nộp lệ phí theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh và thông báo trên Cổng thông tin tuyển sinh: *www.tuyensinh.ueh.edu.vn* hoặc *www.vinhlong.ueh.edu.vn*.

1.13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất): Chưa có

1.14. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của Phân hiệu: 14.890.484.150 đ

- Tổng chi phí đào tạo TB 1 SV/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 19.760.000 đ.

2. Tuyển sinh Liên thông Đại học hệ chính quy

Thực hiện theo phương án tuyển sinh chung trong Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế TP. HCM đối với hệ Liên thông đại học hệ chính quy và theo chỉ tiêu phân bổ từ Cơ sở chính học tại Phân hiệu Vĩnh Long.

3. Tuyển sinh Đại học chính quy Văn bằng 2

Thực hiện theo phương án tuyển sinh chung trong Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế TP.HCM đối với hệ Văn bằng 2 đại học chính quy và theo chỉ tiêu phân bổ từ Cơ sở chính học tại Phân hiệu Vĩnh Long.

4. Tuyển sinh vừa làm vừa học

4.1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT.

4.2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

4.3. Phương thức tuyển sinh:

4.3.1. Phương thức tuyển thẳng

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học;

- Thí sinh thuộc đối tượng xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.3.2. Phương thức xét tuyển

4.3.2.1. Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông

- Đối tượng: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT kể từ năm 2015, có tổng điểm trung bình 03 (ba) môn thi thuộc một trong các tổ hợp xét tuyển đạt mức điểm do Hội đồng Tuyển sinh UEH quy định.

- Các tổ hợp xét tuyển: Có 4 tổ hợp xét tuyển, gồm:

+ Tổ hợp 1: Toán - Vật lý - Hóa học

+ Tổ hợp 2: Toán - Vật lý - Tiếng Anh
+ Tổ hợp 3: Toán - Hóa học - Tiếng Anh
+ Tổ hợp 4: Toán - Ngữ Văn - Tiếng Anh

4.3.2.2. Xét tuyển theo kết quả học tập bậc THPT (học bạ)

- Đối tượng: Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản quy định thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam, có tổng điểm trung bình 03 (ba) môn học lớp 12 thuộc một trong các tổ hợp xét tuyển đạt mức điểm do Hội đồng Tuyển sinh UEH quy định.

- Tổ hợp xét tuyển: Như 4 tổ hợp xét tuyển ở **mục 4.3.2.1**

4.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: 60 chỉ tiêu

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số QĐ đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Trường tự chủ QĐ	Năm đào tạo CSC
1.	7340101	Quản trị kinh doanh	30	1966/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT	11/8/2021	2377/QĐ-TTg	2016
2.	7340301	Kế toán	30	1966/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT	11/8/2021	2377/QĐ-TTg	2016
Tổng			**60**				

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện, Phân hiệu có thể sử dụng chỉ tiêu tuyển sinh hệ VLVH theo chỉ tiêu phân bổ từ Cơ sở chính học tại Phân hiệu Vĩnh Long

4.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT: Thông báo cụ thể website http://dttx.ueh.edu.vn/tuyensinh hoặc Cổng tuyển sinh: https://tuyensinh.ueh.edu.vn hoặc https://vinhlong.ueh.edu.vn.

4.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển

4.6.1. Thông tin trường:

- Tên trường: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH – PHÂN HIỆU VĨNH LONG.
- Địa chỉ: 1B, Nguyễn Trung Trực, Phường 8, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
- Mã trường: KSV.
- Điện thoại: (0270) 3823 443; Hotline: 0907.253.256 - 0899.00.29.39.

4.7. Tổ chức tuyển sinh:

- Tổ chức tuyển sinh 04 (bốn) đợt trong năm, vào các tháng 3, 6, 9, 12.

- Hình thức nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển: Theo thông báo tuyển sinh cụ thể từng đợt tại website http://dttx.ueh.edu.vn/tuyensinh hoặc Cổng tuyển sinh: https://tuyensinh.ueh.edu.vn hoặc https://vinhlong.ueh.edu.vn.

- Hồ sơ đăng ký dự tuyển gồm có:

+ Một (01) Phiếu tuyển sinh có dán ảnh màu và đóng dấu giáp lai của cơ quan xác nhận hồ sơ (theo mẫu của UEH);

+ Đối với thí sinh diện tuyển thẳng: Nộp ba (03) bản sao bằng tốt nghiệp đại học và 01 bản sao Bảng điểm toàn khóa học;

+ Đối với thí sinh diện xét tuyển: Nộp ba (03) bản sao bằng tốt nghiệp THPT/Bổ túc THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời còn trong thời hạn quy định và một (01) bản sao học bạ THPT;

+ Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên, tuyển thẳng (nếu có);

+ Một (01) bản sao giấy khai sinh;

+ Một (01) Hồ sơ hoàn thành thủ tục nhập học ĐH Vừa làm vừa học dán 01 ảnh màu cỡ 3x4 (theo mẫu của UEH).

4.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng đối tượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định của UEH.

4.9. Lệ phí xét tuyển: 200.000đồng/hồ sơ (dự kiến), Trường sẽ có thông báo cụ thể trên Website http://dttx.ueh.edu.vn/tuyensinh hoặc https://tuyensinh.ueh.edu.vn hoặc https://vinhlong.ueh.edu.vn.

4.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):

- Học phí 540.000 đồng/tín chỉ (tùy theo lộ trình sẽ có mức điều chỉnh trong ngưỡng 15% hàng năm).

4.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh trong năm: vào các tháng 3, 6, 9, 12.

5. Tuyển sinh đặt hàng

Theo phương án thống nhất với các đơn vị liên quan và thông báo cụ thể trên Cổng tuyển sinh *http://tuyensinh.ueh.edu.vn* hoặc *www.vinhlong.ueh.edu.vn (nếu có)*.

Phụ lục I

Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh - trình độ Đại học

(Kèm theo ngày 20 tháng 01năm 2022 của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh-Phân hiệu Vĩnh Long)

STT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tham gia giảng dạy ngành đại học
1	Đặng Thị Bảo Ngọc	Đại học	Kế toán kiểm toán	Kế toán
2	Bùi Thanh Linh Tuyền	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
3	Phan Thị Hà	Tiến sĩ	Triết học	Kinh doanh nông nghiệp
4	Nguyễn Thị Hằng	Thạc sĩ	Luật học	Luật kinh tế
5	Lê Trọng Hưng	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn giáo dục chính trị	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
6	Trương Huỳnh Anh	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế
7	Nguyễn Ngọc Bảo Trúc	Thạc sĩ	Luật Kinh tế	Luật kinh tế
8	Nguyễn Phương Chi	Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
9	Lê Duy Đồng	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Thương mại điện tử
10	Lê Hoàng Phúc	Tiến sĩ	Kế toán	Kế toán
11	Trương Thị Như Ngọc	Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng	Ngôn ngữ Anh
12	Dương Nguyễn Thanh Phương	Thạc sĩ	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
13	Nguyễn Đức Vinh	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
14	Trần Ngọc Hòa	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Marketing
15	Phan Ngọc Mai	Đại học	Luật học	Luật kinh tế
16	Nguyễn Đình Thi	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
17	Vũ Kiến Phúc	Thạc sĩ	Kế toán	Kế toán
18	Hồ Thị Phương Nam	Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
19	Nguyễn Đức Việt	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh và Cử nhân luật	Luật kinh tế
20	Lê Thành Trung	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	Thương mại điện tử
21	Ngô Thị Thoại An	Thạc sĩ	Kinh doanh du lịch	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
22	Lê Thị Thu Hiền	Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh cho những người nói các ngôn ngữ khác	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
23	Đỗ Kiên Trung	Tiến sĩ	Triết học	Quản trị kinh doanh
24	Lâm Thị Trúc Linh	Tiến sĩ	Kế toán	Tài chính - Ngân hàng
25	Lê Thanh Mỹ	Đại học	Kế toán	Kế toán
26	Phạm Ngọc Phong	Thạc sĩ	Kinh tế tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
27	Trần Thị Tiếp	Đại học	Sư phạm Anh văn	Ngôn ngữ Anh
28	Trần Văn Viễn	Thạc sĩ	Chính trị học	Kinh doanh nông nghiệp
29	Hồ Kim Thanh	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh

STT	Họ và tên	Trình độ đào tạo	Chuyên môn được đào tạo	Tham gia giảng dạy ngành đại học
30	Phan Thị Thanh Quyên	Đại học	Luật	Luật kinh tế
31	Nguyễn Ngọc Thọ	Đại học	Kế toán	Kế toán
32	Nguyễn Thị Xuân Đào	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	Thương mại điện tử
33	Nguyễn Quốc Bình	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
34	Đặng Thị Thúy An	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
35	Nguyễn Đại Sơn	Thạc sĩ	Khoa học giáo dục	Hệ thống thông tin quản lý
36	Trần Thị Mỹ Liên	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Quản trị kinh doanh
37	Huỳnh Quang Duy	Thạc sĩ	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Kinh tế
38	Đoàn Thị Thanh Hòa	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
39	Nguyễn Thị Diễm	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Quản trị kinh doanh
40	Lê Thị Hồng Gấm	Thạc sĩ	Kỹ thuật phần mềm	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
41	Đặng Thùy Linh	Thạc sĩ	Thương mại	Kinh doanh quốc tế
42	Lê Tuấn Mãnh	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
43	Trần Thị Ánh Hồng	Thạc sĩ	Kế toán	Kế toán
44	Nguyễn Vũ Trâm Anh	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
45	Phan Thị Tiếm	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
46	Nguyễn Văn Rớt	Thạc sĩ	Tài chính tín dụng	Tài chính - Ngân hàng
47	Lê Hoàng Son	Thạc sĩ	Khai thác tri thức từ dữ liệu	Hệ thống thông tin quản lý
48	Trần Thị Thùy Dung	Thạc sĩ	Lý thuyết Xác suất và thống kê toán học	Hệ thống thông tin quản lý
49	Trương Thị Hoàng Oanh	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
50	Trần Thị Lan Thảo	Thạc sĩ	Thương mại	Kinh doanh quốc tế
51	Ninh Hồng Hạnh	Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng	Ngôn ngữ Anh
52	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Marketing
53	Nguyễn Trung Tiến	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh
54	Nguyễn Lý Kiều Chinh	Thạc sĩ	Lý thuyết Xác suất và thống kê toán học	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
55	Lê Hương Bình	Thạc sĩ	Quản lý tiền tệ và tài chính chuyên ngành	Kinh tế
56	Trần Thị Hồng Cúc	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
57	Phạm Minh Triết	Thạc sĩ	Du lịch	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
58	Nguyễn Hồng Nga	Thạc sĩ	Kế toán	Kế toán
59	Phan Thị Thúy Kiều	Thạc sĩ	Tin học	Kinh doanh quốc tế
60	Võ Thanh Trúc	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Marketing
61	Trương Thị Nhi	Thạc sĩ	Kinh tế tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng
62	Hồ Thiện Quyền	Thạc sĩ	Kế toán	Kế toán
63	Nguyễn Thị Thý Liễu	Thạc sĩ	Kinh tế tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng

Phụ lục II: BẢNG QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ

Áp dụng trong các tiêu chí xét tuyển của Phương thức xét tuyển học sinh giỏi, Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn tuyển sinh Đại học năm 2022 của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh – Phân hiệu Vĩnh Long

(Kèm theo ngày 20 tháng 01năm 2022 của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh-Phân hiệu Vĩnh Long)

IELTS (Academic)	**TOEFL iBT**
9.0	118 - 120
8.5	115 - 117
8.0	112 - 114
7.5	105 - 111
7.0	96 - 104
6.5	85 - 95
6.0	73 - 84

Phụ lục III: DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN, NĂNG KHIẾU
Áp dụng trong các tiêu chí xét tuyển của Phương thức xét tuyển học sinh Giỏi, Phương thức xét tuyển quá trình học tập theo tổ hợp môn tuyển sinh Đại học năm 2022 của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

(Kèm theo ngày 20 tháng 01năm 2022 của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh-Phân hiệu Vĩnh Long)

TT	Mã tỉnh Trường THPT	Trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Huyện/Thị xã	Ghi chú
1	01009	THPT chuyên Đại học Sư phạm	Hà Nội	Quận Cầu Giấy	
2	01010	THPT chuyên Hà Nội Amsterdam	Hà Nội	Quận Cầu Giấy	
3	01013	THPT chuyên Ngữ ĐH Ngoại ngữ	Hà Nội	Quận Cầu Giấy	
4	01011	THPT chuyên Khoa học tự nhiên	Hà Nội	Quận Thanh Xuân	
5	01012	THPT chuyên Nguyễn Huệ	Hà Nội	Quận Hà Đông	
6	02004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	TP. Hồ Chí Minh	Quận 1	
7	02016	THPT chuyên Lê Hồng Phong	TP. Hồ Chí Minh	Quận 5	
8	02019	Trường Phổ thông Năng khiếu, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Quận 5	
9	03013	THPT chuyên Trần Phú	Hải Phòng	Quận Hải An	
10	04005	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Đà Nẵng	Quận Sơn Trà	
11	05012	THPT chuyên Hà Giang	Hà Giang	Thành phố Hà Giang	
12	06004	THPT chuyên Cao Bằng	Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng	
13	07001	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Lai Châu	Thành Phố Lai Châu	
14	08018	THPT chuyên Lào Cai	Lào Cai	Thành phố Lào Cai	
15	09009	THPT chuyên Tuyên Quang	Tuyên Quang	Thành phố Tuyên Quang	
16	10002	THPT chuyên Chu Văn An	Lạng Sơn	Thành phố Lạng Sơn	
17	11019	THPT chuyên Bắc Kạn	Bắc Kạn	Thành phố Bắc Kạn	
18	12010	THPT chuyên Thái Nguyên	Thái Nguyên	Thành phố Thái Nguyên	
19	13001	THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	Yên Bái	Thành phố Yên Bái	
20	14004	THPT chuyên Sơn La	Sơn La	Thành phố Sơn La	
21	15001	THPT chuyên Hùng Vương	Phú Thọ	Thành phố Việt Trì	
22	16012	THPT chuyên Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Thành phố Vĩnh Yên	
23	17001	THPT chuyên Hạ Long	Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long	

TT	Mã tỉnh Trường THPT	Trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Huyện/Thị xã	Ghi chú
24	18012	THPT chuyên Bắc Giang	Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang	
25	19009	THPT chuyên Bắc Ninh	Bắc Ninh	Thành phố Bắc Ninh	
26	21013	THPT chuyên Nguyễn Trãi	Hải Dương	TP.Hải Dương	
27	22011	THPT chuyên Hưng Yên	Hưng Yên	Thành phố Hưng Yên	
28	23012	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ	Hoà Bình	Thành phố Hòa Bình	
29	24011	THPT chuyên Biên Hòa	Hà Nam	Thành phố Phủ Lý	
30	25002	THPT chuyên Lê Hồng Phong	Nam Định	Thành phố Nam Định	
31	26002	THPT chuyên Thái Bình	Thái Bình	Thành phố Thái Bình	
32	27011	THPT chuyên Lương Văn Tụy	Ninh Bình	Thành phố Ninh Bình	
33	28010	THPT chuyên Lam Sơn	Thanh Hoá	Thành phố Thanh Hóa	
34	29006	THPT chuyên Phan Bội Châu	Nghệ An	Thành phố Vinh	
35	29007	THPT chuyên ĐH Vinh	Nghệ An	Thành phố Vinh	
36	30040	THPT chuyên Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Thành phố Hà Tĩnh	
37	31004	THPT chuyên Võ Nguyên Giáp	Quảng Bình	Thành phố Đồng Hới	
38	32024	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Quảng Trị	Thành phố Đông Hà	
39	33001	THPT chuyên Quốc Học	Thừa Thiên-Huế	Thành phố Huế	
40	33010	THPT chuyên Đại học Khoa học, Đại học Huế	Thừa Thiên-Huế	Thành phố Huế	
41	34007	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm	Quảng Nam	Thành phố Tam Kỳ	
42	34010	THPT chuyên Lê Thánh Tông	Quảng Nam	Thành phố Hội An	
43	35013	THPT chuyên Lê Khiết	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi	
44	36003	THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	Kon Tum	Thành phố Kon Tum	
45	37003	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Bình Định	Thành phố Quy Nhơn	
46	37081	THPT chuyên Chu Văn An	Bình Định	Hoài Nhơn	
47	38005	THPT chuyên Hùng Vương	Gia Lai	Thành phố Pleiku	
48	39005	THPT chuyên Lương Văn Chánh	Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa	
49	40024	THPT chuyên Nguyễn Du	Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	
50	41017	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Khánh Hoà	Thành phố Nha Trang	
51	42008	THPT chuyên Thăng Long	Lâm Đồng	Thành phố Đà Lạt	
52	42093	THPT chuyên Bảo Lộc	Lâm Đồng	Thành phố Bảo Lộc	
53	43003	THPT chuyên Quang Trung	Bình Phước	Thị xã Đồng Xoài	

TT	Mã tỉnh Trường THPT	Trường	Tỉnh/Thành phố	Quận/Huyện/Thị xã	Ghi chú
54	43042	THPT chuyên Bình Long	Bình Phước	Thị xã Bình Long	
55	44002	THPT chuyên Hùng Vương	Bình Dương	Thành phố Thủ Dầu Một	
56	45017	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Ninh Thuận	Thành phố Phan Rang -Tháp Chàm	
57	46003	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	Tây Ninh	Thành phố Tây Ninh	
58	47013	THPT chuyên Trần Hưng Đạo	Bình Thuận	Thành phố Phan Thiết	
59	48001	THPT chuyên Lương Thế Vinh	Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa	
60	49060	THPT chuyên Long An	Long An	Thành phố Tân An	
61	49072	THPT Năng khiếu Đại học Tân Tạo	Long An	Huyện Đức Hòa	
62	50016	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu	Đồng Tháp	Thành phố Sa Đéc	
63	50023	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu	Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh	
64	51002	THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu	An Giang	Thành phố Long Xuyên	
65	51008	THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa	An Giang	Thành phố Châu Đốc	
66	52004	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Bà Rịa- Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu	
67	53016	THPT chuyên Tiền Giang	Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho	
68	54002	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	
69	55013	THPT chuyên Lý Tự Trọng	Cần Thơ	Quận Bình Thủy	
70	56030	THPT chuyên Bến Tre	Bến Tre	Thành phố Bến Tre	
71	57015	THPT chuyên Nguyễn Bỉnh Khiêm	Vĩnh Long	Thành phố Vĩnh Long	
72	58012	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành	Trà Vinh	Thành phố Trà Vinh	
73	59003	THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	Sóc Trăng	Thành phố Sóc Trăng	
74	60009	THPT chuyên Bạc Liêu	Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu	
75	61016	THPT chuyên Phan Ngọc Hiển	Cà Mau	Thành phố Cà Mau	
76	62002	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Điện Biên	Thành phố Điện Biên Phủ	
77	63037	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	Đăk Nông	Thị xã Gia Nghĩa	
78	64039	THPT chuyên Vị Thanh	Hậu Giang	Thành phố Vị Thanh	